Ch5 - Năm Pháp - XX. Phẩm Bà-La-Môn (Brāhmaṇavagga)

Kinh Tăng Chi Bộ (VNC PHVN, 2021)

666 KINH TĂNG CHI BỘ

XX. PHẨM BÀ-LA-MÔN (BRẢHMANA^GGA)

I. KINH CON CHÓ (Sonasutta) (A. III. 221) 191. Có năm cựu Bà-la-môn pháp này,188 này các Tỷ-kheo? nay được thấy giữa các con chó5 không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thế nào là năm? Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn, không đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các con chó đực chỉ đi đến con chó cái, không đi đến loại không phải con chó cái. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xưa? này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thê thụ thai, không có đi đên trong thời kỳ không thê thụ thai. Ngày nay5 này các Tỷ-kheo? các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thể thụ thai và cũng đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các con chó đực chỉ đi đến con chó cái trong thời kỳ có thể thụ thai, không đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo5 nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn không mua, không bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa.189 Ngày nay, này các Tỷ-kheo5 các nam Bà-la-môn mua và bán nữ Bà-la-môn? cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực không mua, không bán con chó cái, cộng trú trong tình tương ái? tiếp tục trong sự thuận hòa. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó5 không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thuở xua, này các Tỷ-kheo9 các Bà-la-môn không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các loài chó không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài ch6, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

188 Xem Sn. 52 về các pháp Bà-la-môn. 189 Sampỉyeneva samvãsam sambandhãya sampavattentỉ.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 667

Thuở xưa5 này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn ăn cho đến no nê thỏa bụng, rồi lấy các đồ ăn còn lại và mang đi. Ngày nay, này các Tỷ-kheo? các con chó vào buôi chiêu tìm đô ăn buôi chiêu, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo? nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Năm cựu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo5 nay được thấy giữa các loài ch6, không được thấy giữa các Bà-la-môn. II. KINH BÀ-LA-MÔN

DONA (Donabrahmanasutta)x^ (A. III. 223) 192. Rồi Bà-la-môn Dona đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rôi ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên5 Bà-la-môn Dona bạch r-iri Ắ ẶK Thê Tôn: Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: uSa-môn Gotama không đảnh lễ, hay không đứng dậy, hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đờiy Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy. Tôn giả Gotama không đảnh lễ5 hay không đứng dậy5 hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão5 đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời; như vậy5 thưa Tôn giả Gotama, thật là không tốt đẹp. -Này Dona? ông có tự cho mình là Bà-la-môn không? Thưa Tôn giả Gotama, nêu có ai nói một cách chơn chánh, vị ây phải nói răng: Bà-la-môn thiện sanh cả từ mâu hệ và phụ he, huyêt thông thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào? một gièm pha nào về vấn đề huyêt thông thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiêu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân.,lọl Thưa Tôn giả Gotama, nói về tôi, nói một cách chơn chánh là nói như vầy, thưa Tôn giả Gotama, tôi là Bà-la-môn5 thiện sanh cả từ mâu hệ đên phụ hệ, huyêt thông thanh tịnh cho đên bảy đời Tô phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyên thông là thứ năm; thông hiêu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân. Này Dona, có phải các vị Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà- la-môn5 những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát5*

190 Tham chiếu: Đầu-na kỉnh (r.01. 0026.158. 0680ỒỒ20). 191 Xem GS. L 146; D. I. 120; M. IL 147; Sn. 105; Mỉln. 10.

đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm? Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhãradvậja9 Vãsettha, Kassapa, Bhagu.192 Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này: "Đồng đẳng với Phạm thiên, đồng đẳng với chư thiên, các vị biết giới hạn, các vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn bị vứt b6." Này Dona, ông là ai giữa các vị ấy? Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi không biết năm hạng Bà-la-môn này. Nhưng chúng tôi biết chúng tôi là Bà-la-môn. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi biết được năm hạng Bà-la-môn này! Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ nói. Thưa vâng9 Tôn giả. Bà-la-môn Dona vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: Thế nào, này Dona, là Bà»la-môn đồng đẳng với Phạm thiên? Ở đây? này Dona, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn (chú thuật). Sau khi

sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa,193194 không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò5 không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề ệi khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, sau khi cạo bỏ râu tóc đắp áo cà-sa, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, 194 cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng dại, vô biên5 không hận5 không sân.... với tâm câu hữu với bi... với hỷ... với xả5 cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên5 không hận, không sân. Vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú này, khi thân hoại mệnh chung, được sanh thiện thú, Phạm thiên giới. Như vậy, này Dona, là vị Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên. Và này Dona, thê nào là Bà-la-môn đông đăng với chư thiên?

192 Xem4 IV. 61; D I. 104; M. II. 170; Vin. I. 245. 193 Xem4IV.281;MI. 85. 194 Xem 4 IV. 390; D. III. 223; M. II. 76; s. V. 115.

Ở dây, này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Dona, ở đây, pháp là gì? Không phải do múa5 không phải do bán, nhimg chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên?195 vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn; không đi đến nữ Sát-đế-lỵ, nữ Tỳ-xá? nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la5 nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đên người đàn bà trong thời kỳ không thê thụ thai. Và này Dona, vì sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Dona, nếu người Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang, thời đồng nam hay đồng nữ được sanh hoàn toàn bị ô uế; do vậy, này Dona, vị Bà-la~môn không đi đến người đàn bà có mang. Và vì sao, này Dona, Bà-la- môn không đi đến người đàn bà cho con bú? Này Dona, nếu Bà-la-môn đi đến người đàn bà cho con bú, thời này Dona? đồng nam hay đồng nữ bú sữa không được thanh tịnh; do vậy5 này Dona, vị Bà-la-môn không đi đến người đàn bà cho con bú. Và vì sao, này Dona,

Bà-la-môn không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thế thụ thai? Này Dona, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai, thời nữ Bà-la-môn ấy trở thành một phương tiện để thỏa lòng dục5 để vui đùa5 để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa5 xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy5 ly dục5 ly pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ây, sau khi tu tập bốn thiền, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới9 cõi đời này. Như vậy, này Dona, là Bà-la- môn đồng đẳng với chư thiên. Và thế nào, này Dona, là một Bà-la-môn có giới hạn? Ở dây, này Dona? Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ5 không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm

195 Udakũpassattha. AA. III. 309: Udakũpassaịthantỉ udakena upassattham pariccattam (4íĐược tưới nước lên^ nghĩa là được tưới, được ban rai nước lên). Sau khi rươi nước lên tay cô ấy, họ trao cô ấy cho người chồng. Upa xuất phát từ srj, có nghĩa là làm cho nước chảy ra. Xem 4 IV. 210. Tục lệ này ngày nay vẫn còn duy trì ở Ấn Độ và Tích Lan.

hạnh đông trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ây tìm kiêm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp5 không phải phi pháp. Ở đây, này Dona, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò5 không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề ệi khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Dona, ở dây, pháp là gì? Không phải do mua, không phải do bán, nhưng chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên, vị ây đi đên nữ Bà-la-môn; không đi đên nữ Sát-đê-ly, nữ Tỳ-xá, nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la, nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Và này Dona, vì sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Dona, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang... Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, do ưa thích con nít, sống trong gia dinh, không xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy đứng tại dấy, không vượt qua giới hạn ấy. Này Dona, do vậy Bà-la-môn được gọi là có giới hạn. Như vậy9 này Dona? là Bà-la-môn có giới hạn. Và này Dona, thê nào là một Bà-la-môn vượt qua giới hạn? Ở dây, này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ... về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở dây, này Dona, pháp là

gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư5 vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp và phi pháp. Do mua, do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên, vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến nữ Sát-đế-lỵ? cũng đi đến nữ Tỳ-xá? cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la, cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đên nữ đan tre, cũng đi đên nữ làm xe, cũng đi đên nữ thô dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú, cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện đê thỏa lòng dục5 đê vui đùa9 đê thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đôi với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy không đứng tại dấy, vị ấy vượt qua giới hạn ấy. Này Dona, do vậy Bà-la-môn được gọi vị đã vượt qua giới hạn. Như vậy, này Dona? là Bà-la- môn vượt qua giới hạn. Và này Dona, thế nào là Bà-la-môn Chiên-đà-la?

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 671

Ở đây5 này Dona, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ây trong bôn mươi tám năm sông Phạm hạnh đông trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sông bôn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn5 vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp và phi pháp. Ở đây, này Dona? pháp là gì? Nhờ cày bừa, nhờ buôn bán, nhờ chăn bò, nhờ cung tên5 nhờ làm người của vua, nhờ một nghề gì khác, không hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư9 vị ấy đi tìm vợ đúng pháp và phi pháp, do mua5 do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên. Vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn3 cũng đi đến nữ Sát-đế-lỵ, cũng đi đến nữ Tỳ-xá, cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la9 cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đến nữ đan tre, cũng đi đến nữ làm xe, cũng đi đến nữ thổ dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú9 cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện để thỏa lòng dqc, để vui đùa9 để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Vị ấy, để nuôi mạng sống5 làm tất cả nghê. Rôi các Bà-la-môn nói với vị ây như sau: “Sao Tôn giả tự cho mình là Bà-la-môn? lại làm tất cả nghề để nuôi mạng s6ng?" Vị ấy trả lời như sau: "Nhu r r lửa đôt vật sạch, cũng đôt vật nhớp, nhưng không phải vì vậy mà ngọn lửa bị uê nhiêm?5 Cũng vậy, này các Tôn giả, nêu Bà-la-môn làm tât cả nghê đê nuôi mạng sông9 nhưng không phải vì vậy mà Bà-la-môn bị uê nhiêm. Vì làm tât cả nghề để nuôi mạng sống5 này Dona? nên Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn Chiên-đà-la. Như vậy, này Dona, là Bà-la-m6n Chiên-đà-la. Này Dona, có phải các Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la- môn5 những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên5 đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ấy tên là Atthaka, Vãmaka, Vãmadeva, Vessãmitta, Yamadaggi, Aồgĩrasa, Bhãradvậja, Vãsettha, Kassapa, Bhagu. Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn

này:46Vị đồng đăng với Phạm thiên, vị đông đăng với chư thiên, vị có giới hạn? vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn ChiOn-dà-la." Này Dona5 ông là ai giữa các vị ấy? Như vậy? thưa Tôn giả Gotama, chúng con chưa thành tựu đầy đủ Bà-la- môn Chiên-đà-la. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây săc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Tôn giả Gotama, con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

III. KINH BÀ-LA-MÔN SANGÃRAVA (Sangãravasutta) (A. III. 230) 193. Rồi Bà-la-môn Sangãrava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu? liên ngôi xuông một bên. Ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Saôgãrava thưa với Thế Tôn: —Do nhân gi, do duyên gi, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (mantã) học thuộc lòng lâu ngày (sajjhãyakatã) lại không thê nhớ lên được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gì5 do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng! -Này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi ph6i, và không như thật biêt rõ sự xuât ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ay, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, người ây không như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thê nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn5 một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm, màu đỏ tía, hay màu xanh hay màu vàng và ở dây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, không có thể như thật biết được5 thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn9 trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiêm, bị dục tham chi phôi5 không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi h của mình; trong khi ấy, không như thật biêt và thây lợi ích của người; trong khi ây9 không như thật biêt và thây được lợi ích của cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn? khi trú với tâm bị sân xâm chiêm, bị sân chi phôi, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy khônệ như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thây lợi ích của người; trong khi ây, không như thật biêt và thây được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuôn cuộn, ơ đây5 một người có măt muôn ngăm bóng khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú

thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trâm thụy miên xâm chiêm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, kh6ng như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] hôn trâm thụy miên đã khởi lên; trong khi ây? người ây không như thật biêt và thây lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các

chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn? một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở dây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của minh, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị trạo hôi xâm chiêm, bị trạo hôi chi phối, không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy kh6ng như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được5 còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng, ơ dây, một người có măt muôn ngăm khuôn mặt của mình, không thê như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn? khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuây động, khuây đục, khuây bùn5 đặt trong bóng tối. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của minh, không thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất ly của các dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy5 như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn5 một bát nước không trộn lân với thuôc nhuộm màu đỏ tía, hay màu xanh5 hay màu vàng, và ở đây5 một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiêm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như5 này Bà-la-môn5 một bát nước không bị lửa đun sôi5 khôiiệ sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở dây, một người có mắt muốn ngâm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiêm, không bị sân chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây5 một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn9 trong khi trú với tâm không bị hôn trâm thụy miên xâm chiêm, không bị hôn trâm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn5 khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Ví nhu, này Bà-la-môn, một bát nước không bị gió thổi, kh6ng bị dao động5 không bị chấn động5 không bị nổi sóng. Ở dây, một người có măt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy? này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng. Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước thuân tịnh5 trong sáng, không bị khuây động, đặt giữa ánh sáng, ơ dây, một người có măt muôn ngăm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy5 này Bà-la-môn5 trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; tronệ khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thay lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn9 có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày có thể nhớ lại được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng. Khi được nghe vậy? Bà-la-môn Saõgãrava bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đên mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. IV. KINH BÀ-LA-MÔN KÃRANAPÃLĨ (Kãranapãlĩsutta) (4 III. 236) 194. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Mahãvana, chỗ giảng đường có

nóc nhọn. Lúc bây giờ9 Bà-la-môn Kãranapãlĩ đang xây dựng nhà cho người Licchavi. Bà-la-môn Kãranapãlĩ thấy Bà-la-môn Pingiyãnĩ196 từ đường xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Bà-la-môn Pingiyãnĩ: -Tôn giả Piỏgiyãnĩ đi từ đâu đến sớm như vậy?197198 199 Thưa Tôn giả5 tôi đi từ chỗ Sa-môn Gotama về. -Tôn giả Pingiyãnĩ nghĩ thê nào vê trí tuệ sáng suôt của Sa-môn Gotama? Ngài có nghĩ vị ấy là một bậc Hiền trí chăng? Tôi là ai? thưa Tôn giả, lại có thê biêt được trí tuệ sáng suôt của Sa-môn Gotama. Chỉ có ai như vị ấy? mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama. Thật là cao

thượng lời Tôn giả Piốgiyãnĩ tán thán Sa-môn Gotama: "T6i là ai, thưa Tôn giả, lại có thể nói lời tán thán Sa-môn Gotama.” Được tán thán bởi những bậc được tán thán là Tôn giả Gotama, bậc Tối Thắng giữa chư thiên và loài người. Tôn giả Pingiyãnĩ thấy những lợi ích gì lại hết lòng tin tưởng Sa- môn Gotama như vậy? Thưa Tôn giả5 ví như một người đã thỏa mãn với vị ngọt tối thượng sẽ không còn thèm muốn các vị ngọt hạ liệt khác. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tung, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời không còn thèm muốn các lý thuyết của những người khác, của các Sa-môn5 Bà-la-môn thấp kém. Ví như/98 thưa Tôn giả5 một người bị đói lả và mệt mỏi? tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng5 Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... vị ấy được hoan hỷ (attamanatam), tâm được tịnh tín. Ví nhu, thưa Tôn giả, một người tìm được một cành cây Chiên-đàn (Candanaghatikam), Chiên-đàn vàng hay Chiên-đàn đỏ5 chỗ nào người ấy ngửi hoặc từ nơi rễ? hoặc từ nơi chặng giữa, hoặc từ nơi ngọn, người ấy được hương thơm thuần diệu (surabhigandham). Cũng vậy, thưa Tôn giả5 khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng? Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời vị ấy được thưởng thức hân hoan, được thưởng thức hoan hỷ. Ví nhu,199 thưa Tôn giả, một người bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, rồi có vị lương y lập tức chữa cho khỏi bệnh. Cũng vậy? thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama, như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... khi ấy, sầu, bi, khổ5 ưu, não đi đến tiêu diệt. Ví nhu, thưa Tôn giả, một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, sạch sẽ có bờ hồ khéo

196 Trong AA. II. 636, Buddhaghosa giải thích Tôn giả Pingiyãnĩ vốn là một vị Bà-la-môn ở Vesãli nhưng la đệ tử của đức Phật, đã chứng quả Bất lai. Môi ngày Tốn giả mang hoa va nước thơm đến đảnh lễ cúng dương đức Phật. 197XemM.I. 175; II. 208. 198 Xem MI. 114. 199 Xem4 III. 185; GS. III. 137 (kinh 162 ở trước).

Sắp dặt, đẹp đẽ5 rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước5 khát nước. Người ấy? sau khi lặn xuống trong hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước5 tất cả khổ cực? mệt mỏi5 nhiệt não đều được lắng dịu. Cũng vậy5 thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp...khi ấy tất cả khổ cực, mệt mỏi? nhiệt não đều được lặng dịu. Khi được nói vậy5 Bà-la-môn Kãranapãlĩ từ chỗ ngồi đứng dậy5 đắp thượng y qua một bên vai, đâu gôi bên phải quỳ trên mặt đất? chăp tay hướng đên Thê Tôn, và ba làn thốt lên lời cảm hứng sau đây:200 Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế T6n, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Thật vi diệu thay, Tôn giả Piồgiyãnĩ! Thật hy hữu thay, Tôn giả Pingiyãnĩ! Thưa Tôn giả Pingiyânĩ, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy5 Chánh pháp đã được Tôn giả

Pingiyãnĩ dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Thưa Tôn giả Piỏgiyãnĩ, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Piốgiyãnĩ hãy chấp nhận con làm đệ tử cư si, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng. V. KINH BÀ-LA-MÔN PINGIYÃNĨ (Pingiyãnĩsutta) (A. III. 239) 195. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesãli, tại Mahãvana, chỗ giảng đường có nóc nhọn, có khoảng năm trăm người Licchavi đang thăm viếng Thế Tôn. Một số người Licchavi201 toàn màu xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đô trang sức màu xanh. Một sô người Licchavi toàn màu vàng, màu săc vàng, mặc vải màu vàng, mang đô trang sức màu vàng. Một sô người Licchavi toàn màu đỏ5 màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi toàn màu trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng. Nhung thật sự Thế Tôn đã chói sáng với dung sắc và sự huy hoàng.202 Rồi Bà-la-môn Pingiyãnĩ từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chăp tay hướng đen Thê Tôn và bạch The Tôn: Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn. Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn. Hãy nói lên, này Piồgiyãnĩ. Thế Tôn nói như vậy. Rồi Bà-la-môn Pingiyãnĩ trước mặt Thế Tôn, nói lên bài kệ thích đáng:203

200 XemD. II. 288; M. II. 209.

201 Xem4IV. 263;DII. 96.

202 Vannena ceva yasasã ca.

203 Xem 5.1. 81; J. I. 116; Vism. 388.

Như loại hoa sen hồng, Buổi sáng hương ngào ngạt, Khi đóa hoa càng nở5 Hương thơm càng ngát hương. Xem Aốgĩrasa, Chiếu hào quang sáng chói,204 Chói sáng thật rực rỡ, Như mặt trời trên không. Rồi các người Licchavi ấy đem năm trăm thượng y dâng cho Bà-la-môn Pingiyãnĩ. Và Bà-la-môn Piồgiyãnĩ đem năm trăm thượng y ấy dâng lên Thế Tôn. Thê Tôn nói với các vị ây: Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm châu báu205 khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời. Người thuyết được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người hiểu được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người thực hành pháp và tùy pháp, sau khi đã hiêu rõ lời thuyêt giảng vê Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời. Người biết ơn, nhớ ơn khó tìm được ở đời. Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm loại châu báu này khó tìm được ở đời. VI. KINH MỘNG LỚN (Mahãsupinasutta) (A. III. 240) 196. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? này các Tỷ-kheo? khi chưa thành Chánh đẳng giác5 còn là Bồ-tát, có năm mộng lớn hiện ra.206 Thế nào là năm? Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát5 mộnệ thấy đất lớn này là giường lớn, Tuyêt Sơn, vua các loài núi là gôi, tay trái đặt năm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân nằm trên biển phía Nam. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được

giác ngộ? khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát9 mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyã207 mọc ra, cao cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát? mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

204 Xem Thag. V. 426.

205 Xem 4 in. 167; GS. III. 126 (kinh 143 ở trước).

206 XemJ.L 69.

207 AẨ. III. 319: ^Tirỉyã nãma tinajãtĩtỉ vuccatỉy

Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy các con sâu trăng đâu đen5 bò ra từ chân cho đên đâu gôi và che đậy chúng. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác5 còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ ba này được hiện ra. Lại nữa9 này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến5 rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát? mộng lớn thứ tư này được hiện ra. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân nhưng không bị nhớp vì phân. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ năm này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát, mộng thây quả đât lớn này làm giường lớn, Tuyết Sơn, vua các loài núi làm gối5 tay trái đặt nằm trên biên phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây5 hai chân đặt nằm trên biển phía Nam. Này các Tỷ-kheo? đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài chứng được Vô thượng Chánh giác ngộ, Chánh đẳng giác. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra. Này các Ty.kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyã mọc ra5 mọc cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Này các Tỷ-kheo9 đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Thánh đạo tám ngành được hoàn toàn giác ngộ và khéo tuyên bố cho chư thiên và loài người. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ5 mộng lớn thứ hai này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát. mộng thây các con sâu trắng đầu đen? bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đậy chúng. Này các Tỷ-kheo9 nhiều gia chủ mặc áo trắng quy y Như Lai cho đến trọn đời. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ5 mộng lớn thứ ba này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo? trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu săc khác nhau, từ bôn phương bay đên, rơi xuông chân Ngài và trở thành trắng

toát. Bốn giai cấp này, này các T*kheo, Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn? Tỳ- xá, Thủ-đà5 sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, các vị ấy chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ9 mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

CHƯƠNG V. NĂM PHÁP 679

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ5 khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát9 mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đây phân ĩihtrng không bị nhớp vì phân. Này các Tỷ-kheo? Thế Tôn được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa5 dược phẩm trị bệnh. Và ở đây, Như Lai thọ hưởng không bị trói buộc,208 không bị tham(tóm, không bị mê say5 thấy sự nguy hại, có trí tuệ và xuất ly. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ năm này được hiện ra. Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ? trước khi thành Chánh đăng giác, còn là Bô-tát, năm mộng lớn này được hiện ra. VII. KINH MƯA (Vàssasutta) ụ. III. 243) 197. Có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được? ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Thế nào là năm? Trên hư không, này các Tỷ-kheo5 hỏa giới phẫn nộ5 do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ nhất cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? trên hư không, phong giới phẫn nộ? do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo5 đây là chướng ngại thứ hai cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Rãhu5 vua các loài a-tu-la dùng tay thâu lấy nước (sampaticchitvã) rồi đổ xuống biển lớn. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ ba cho mưa, các người đoán tướng không biêt được, ở đây măt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo, chư thiên của các loại mây đem mưa trở thành biếng nhác. Này các Tỷ-kheo? đây là chướng ngại thứ tư cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Lại nữa5 này các Tỷ-kheo5 khi loài người trở thành phi pháp, này các Tỵ- kheo, đây là chướng ngại thứ năm cho mưa, các người đoán tướng không biết được5 ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được? ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. VIII. KINH LỜI NÓI (Vãcãsutta) (Ả. III. 243) 198. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyêt, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ

208 Xem D. I. 245; M. I. 173; s. II. 270.

trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời5 nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa5 nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm. Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo5 các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí

chỉ trích. IX. KINH GIA ĐÌNH (Kulasuttd) (4 III. 244) 199. Khi nào5 này các Tỷ-kheo5 các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại dấy, các người do năm trường hợp này, được nhiều công đức. Thế nào là năm? Khi nào? này các Tỷ-kheo? các người xuất gia giữ giới đi đến với gia dinh, các người sau khi thấy họ? tâm được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo5 như vậy là đưa đên cõi trời và gia đình ây trong lúc ây đã bước được trên con đường ây. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người đứng dậy9 đảnh lễ họ9 mời họ ngồi. Này các Tỷ-kheo5 như vậy đưa đến được sanh vào các gia đình cao sang? và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo? các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người từ bỏ cấu uế của xan tham. Này các Tỷ-kheo5 như vậy đưa đến đại uy lực5 và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuât gia giữ giới đi đên với gia đình, các người tùy theo khả năng, tùy theo năng lực? san sẻ vật bố thí. Này các Tỷ- kheo? như vậy đưa đến tài sản lớn, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia dinh, các người hỏi những câu hỏi5 đặt những câu hỏi5 nghe pháp. Này các Tỷ"kheo5 như vậy đưa đên đại trí tuệ, và gia đình ây trong lúc ây đã bước được trên con đường ấy. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại dây, các người do năm trường hợp này, được nhiêu công đức. X. KINH XUẤT LY (Nissãranĩyasutta)209 (4 III. 245) 200. Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này. Thế nào là năm? Ở dây, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo210 tác ý về dục; tâm không phấn chấn trong các dục, không tịnh tín, không an trú, không quyết định.211 Nhưng khi tác ý đến viễn ly5 tâm liền phấn chấn trong viễn ly, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến dục. Và do duyên với dục9 khởi lên các lậu

209 D. 33, Saúgĩti Sutta {Kỉnh Phúng tụng). 210 Xem A. IIL 288; GS. III. 209; D. III. 239 211AA. III. 321: Na vỉmuccatỉ = Na adhỉmuccatỉ (Không quyết định hay không bị thiên về [các dục]).

hoặc, não hại, nhiệt não, vị ây giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ây. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] các dục. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tác ý vê sân, tâm không phân chân trong sân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhtrng khi tác ý đến vô sân, tâm liền phấn chấn trong vô sân, được tịnh tín5 được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm? khéo tu tập5 khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sân. Và do duyên với sân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý vê hại, tâm không phân chân trong hại, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhung khi tác ý đến vô hại, tâm liền phấn chấn trong vô hại, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập5 khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến hại. Và do duyên với hại, khởi lên các lậu hoặc? não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] hại. Lại nữa, này các

Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo tác ý về sắc9 tâm không phấn chấn trong sắc, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sắc, tâm liền phấn chấn trong vô sắc, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sắc. Và do duyên với sắc, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sắc. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về có thân, tâm không phấn chấn trong có thân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến đoạn diệt có thân, tâm liền phấn chấn trong đoạn diệt có than, được tịnh tín, được an trú, được quyêt định. Tâm ây của vị ây là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến có thân. Và do duyên với có thân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não? vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] có thân. Đối với vị ấy, dục hỷ không có tùy miên, sân hỷ không có tùy miên, hại hỷ không có tùy miên, sắc hỷ không có tùy miên5 hữu thân hỷ không có tùy miên. Vị ấy không có tùy miên đối với dục hỷ5 không có tùy miên đối với sân hỷ5 không có tùy miên đối với hại hỷ5 không có tùy miên đối với sắc hỷ, không có tùy miên đối với hữu thân hỷ. Này các Tỷ-kheo5 đay gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi tùy miên, đã chặt đứt khát ái5 giải tỏa kiét sử, do Chánh pháp nhiếp phục kiêu mạn5212 đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đên xuât ly này.

212 Xem 4 IV. 8; M. L 122; It. 47.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.